TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-KDTM	*Quảng Ninh, ngày 19 tháng 8 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C. Địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thế M - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q, ông Nguyễn Trung T – Phó phòng Tổng hợp, ông Nguyễn Hữu T1 – Nhân viên phòng Tổng hợp theo văn bản ủy quyền lại số: 360a/UQ-CNQB-P.TH, ngày 03/7/2024 của Giam đốc Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q "V/v ủy quyền lại tham gia tố tụng, thi hành án theo vụ việc". Địa chỉ chi nhánh: Số E đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Đồng bị đơn: Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1986 và bà Trương Thị R, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số 860008045556/2023-HĐCVHM/NHCT470 ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 194382823-CP744495/2021/HĐBĐ/NHCT470 ngày 07/04/2021 đã được ký kết giữa ông ông Hoàng Văn T2, bà Trương Thị R và Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q - Phòng G. Vợ chồng ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thống nhất thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần C đến ngày 09/8/2024 là 855.452.049 đồng (T3 trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm bốn mươi

chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 800.000.000 đồng**,** N lãi trong hạn: 38.356.165 đồng**,** N lãi quá hạn: 17.095.884 đồng

Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 10/11/2024 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 2: Ngày 10/02/2025 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền gốc .

Đợt 3: Ngày 10/05/2025 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền gốc .

Đợt 4: Ngày 10/08/2025 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng) tiền gốc .

Đợt 5: Ngày 10/11/2025 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 6: Ngày 10/02/2026 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 7: Ngày 10/5/2026 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 8: Ngày 10/8/2026 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 9: Ngày 10/11/2026 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt10: Ngày 10/02/2027 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 11: Ngày 10/5/2027 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 12: Ngày 10/8/2027 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt13: Ngày 10/11/2027 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt14: Ngày 10/02/2028 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 15: Ngày 10/5/2028 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 16: Ngày 10/8/2028 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Đợt 17: Ngày 10/11/2028 ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc và 55.452.049 đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm bốn mươi chín đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/8/2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp vợ chồng anh Hoàng Văn T2 và chị Trương Thị R vi phạm như cam kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C là tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 194382823-CP744495/2021/HĐBĐ/NHCT470 ngày 07/04/2021 đã được ký kết giữa ông ông Hoàng Văn T2, bà Trương Thị R và Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q - Phòng G. Thửa đất số: 271, Tờ bản đồ số: 9, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, diện tích: 178,8m^2 (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám phẩy tám mét vuông), hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn: 150,0m^2; Đất trồng cây lâu năm khác: 28,8m^2; Thời hạn sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm khác: Sử dụng đến ngày 31/12/2065, Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn được Công nhận QSDĐ như giao có thu tiền sử dụng đất; Đất trồng cây lâu năm khác được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP744495, số vào sổ cấp GCN: CS03235, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/12/2018. Đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q chỉnh lý biến động ngày 09/01/2020 và ngày 08/03/2021.

- Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần C, ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R thỏa thuận giao cho ông Hoàng Văn T2 và bà Trương Thị R phải chịu nộp: 18.831.780 đồng (Mười tám triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định

của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 18.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số 0003919 ngày 31/7/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường